# THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 18/CT-TTg | *Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2019* |

## CHỈ THỊ

**Về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong tình hình mới cho chi đầu tư phát triển, không vay cho chi thường xuyên**

Trong thời gian qua, việc huy động, quản lý và sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài đều tập trung cho đầu tư các dự án, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đã có những đóng góp tích cực cho đầu tư phát triển của đất nước, nhất là trong việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, sản xuất điện, xử lý nước thải, phát triển nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng một số trường học, bệnh viện tuyến Trung ương và tuyến cuối. Việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài cũng góp phần hoàn thiện thể chế chính sách, ứng dụng công nghệ hiện đại, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cơ chế chính sách và quy định pháp luật về huy động, quản lý và sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài ngày càng hoàn thiện.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc huy động, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài còn có những hạn chế, bất cập như: một số dự án được đàm phán, ký kết xong nhưng chưa được các bộ, ngành tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai và giải ngân đã cam kết với nhà tài trợ; chất lượng chuẩn bị dự án chưa đạt yêu cầu, quá trình thực hiện dự án chậm tiến độ làm tăng tổng mức đầu tư và chi phí cho công tác giải phóng mặt bằng; bố trí vốn đối ứng không đầy đủ và kịp thời; một số dự án vay về cho vay lại gặp khó khăn trong việc trả nợ, phải tái cơ cấu hoặc Chính phủ phải tạm ứng nguồn vốn từ Quỹ Tích lũy trả nợ để trả nợ thay; một số chương trình, dự án không được bố trí đủ dự toán, giải ngân vốn còn chậm...

Những hạn chế, bất cập trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó chủ yếu là: việc huy động và phân bổ vốn còn phụ thuộc vào

chính sách, điều kiện của các nhà tài trợ, theo đó mỗi nhà tài trợ quan tâm đầu tư vào một số ngành, lĩnh vực cụ thể, trong khi đó, trình tự thủ tục giải ngân rút vốn của các nhà tài trợ cũng có sự khác biệt nhất định; công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư, xây dựng văn kiện dự án, tổ chức thực hiện ở một số bộ, ngành, địa phương làm chưa tốt; các chủ đầu tư được ngân sách nhà nước cấp phát nên chưa thực sự quan tâm đến việc trả nợ, chưa quyết liệt giải quyết hoặc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, triển khai dự án kéo dài, phải trả chi phí lãi suất, phí cam kết; các chương trình, dự án Ô chưa có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý và phân bổ vốn...

Để sớm khắc phục những hạn chế, bất cập trên đây và phát huy hơn nữa vai trò của các nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình, nguồn vốn ODA ngày càng hạn hẹp, nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ hiện nay chủ yếu là vay ưu đãi với lãi suất gần với lãi suất thị trường, việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài trong tình hình mới là hết sức cần thiết. Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Luật Quản lý nợ công năm 2017, Nghị quyết số 582/NQ-UBTVQH14 ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý và sử dụng vốn vay nước ngoài, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các bộ, ngành, địa phương, các chủ dự án và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp sau đây:

## I. CÁC CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH LỚN TRONG VIỆC HUY ĐỘNG, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY ODA VÀ VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI, TẬP TRUNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KHÔNG SỬ DỤNG CHO CHI THƯỜNG XUYÊN

1. Việc huy động, quản lý và sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài phải gắn với việc cơ cấu lại đầu tư công và định hướng huy động, sử dụng nguồn vốn này trong từng thời kỳ, nhất là việc thực hiện Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài phải được đồng bộ với kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch vay trả nợ công 5

năm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các bộ, ngành, địa phương khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất chương trình, dự án phải xác định rõ cơ chế tài chính đối với chương trình, dự án (cấp phát hoặc cho vay lại hoặc hỗn hợp), làm rõ sự cần thiết đầu tư dự án, quy mô đầu tư, hiệu quả kinh tế - xã hội và trách nhiệm hoàn trả nợ; kiên quyết loại bỏ các chương trình, dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội thấp hoặc không rõ ràng.

2. Việc đàm phán, ký kết các Hiệp định, Thỏa thuận vay phải phù hợp với điều kiện, tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng trả nợ, không vay vốn đối với các dự án có những điều kiện, quy định gây bất lợi cho Việt Nam hoặc hiệu quả kém so với vay trong nước.

3. Vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài chỉ được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan chủ quản, người ra quyết định đầu tư, chủ dự án, người sử dụng vốn. Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm rà soát các chương trình, dự án đã ký kết và có hiệu lực, đang triển khai thực hiện, cắt giảm các khoản chi mang tính chất quản lý hành chính như mua sắm xe ô tô, thiết bị văn phòng, khảo sát nước ngoài, nâng cao năng lực, quản lý dự án, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ. Không gia hạn thời gian thực hiện đối với cấu phần chi thường xuyên của các chương trình, dự án ODA đang triển khai thực hiện.

Đối với những Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn vay ODA, vay ưu đãi đã ký và có hiệu lực thì thực hiện theo những Điều ước quốc tế và thỏa thuận đó theo quy định tại Nghị quyết số 49/2017/QH14 của Quốc hội ngày 13 tháng 11 năm 2017 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Căn cứ quy định của pháp luật về chi phí dự án đầu tư, các bộ, ngành, địa phương chủ động rà soát, xác định đúng tính chất của dự án và báo cáo cấp có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh quyết định dự án đầu tư (nếu cần thiết) làm cơ sở bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án.

Đối với các dự án vay mới, các dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đàm phán ký kết Hiệp định vay, các bộ, ngành, địa phương không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên, chỉ đề xuất sử dụng vốn vay theo các tiêu chí: (i) ưu tiên sử dụng vốn vay cho khoản chi bằng ngoại tệ (chi nhập khẩu/mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tư vấn nước ngoài); (ii) khoản chi cho cấu phần xây lắp trong tổng mức đầu tư; (iii) khoản chi có liên quan đến chuyển giao công nghệ; giải trình rõ sự cần thiết vay vốn có yêu cầu ràng buộc của nhà tài trợ về xuất xứ hàng hóa, nhà thầu. Không sử dụng vốn vay để mua sắm ô tô, thiết bị văn phòng, vật tư, thiết bị dự

phòng cho quá trình vận hành sau khi dự án hoàn thành, chi đào tạo, hội thảo. Vốn đối ứng được sử dụng để chi chuẩn bị dự án đầu tư, nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý dự án theo quy định.

4. Việc quản lý sử dụng vốn được thực hiện dưới hai hình thức: ngân sách trung ương cấp phát cho chương trình, dự án thuộc nội dung chi của ngân sách trung ương hoặc cho vay lại đối với chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn. Từng bước giảm tỷ trọng cấp phát, tăng tỷ trọng vay về cho vay lại đối với các chương trình, dự án của địa phương thực hiện cơ chế ngân sách nhà nước cấp phát một phần, ngân sách địa phương vay lại một phần theo tỷ lệ do Chính phủ quy định. Các địa phương cần đảm bảo khoản vay lại vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài trong phạm vi hạn mức dư nợ được phép theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và mức vay/trả nợ trong năm được Quốc hội phê duyệt.

Việc vay vốn để bù đắp bội chi ngân sách là ưu tiên hàng đầu; việc vay về cho vay lại phải được đánh giá, thẩm định đảm bảo hiệu quả và chỉ thực hiện khi còn dư địa nợ công. Các ngành, lĩnh vực đã tiếp cận được các nguồn vốn vay thương mại thì cần định hướng áp dụng phương thức tự vay, tự trả, Chính phủ không vay về để cho vay lại.

5. Đối với các chương trình, dự án sau khi ký kết Hiệp định/Thỏa thuận vay phải được tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn, bố trí dự toán ngân sách hàng năm để có thể giải ngân vốn theo tiến độ đã cam kết. Cơ quan kiểm soát chi thực hiện kiểm soát chi, đảm bảo giải ngân trong phạm vi dự toán.

6. Các bộ, ngành, địa phương, chủ dự án phải được ưu tiên bố trí đầy đủ vốn đối ứng để triển khai thực hiện dự án. Chuẩn bị tốt công tác giải phóng mặt bằng và phối hợp với nhà tài trợ giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

7. Các bộ, ngành, địa phương cần có đánh giá chi phí khoản vay, theo đó ưu tiên sử dụng các khoản vay ODA, vay ưu đãi với chi phí thấp cho cấp phát ngân sách nhà nước; đối với khoản vay ưu đãi sát với lãi suất thị trường chỉ xem xét cho nhu cầu vay về cho vay lại đối với các dự án có hiệu quả, có đủ khả năng hoàn trả vốn vay. Hạn chế sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi cho nhu cầu chi từ ngân sách

trung ương trên nguyên tắc chỉ áp dụng đối với dự án thực sự cấp bách đã nằm trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Các cơ quan được ủy quyền cho vay lại tổ chức thẩm định chương trình, dự án cho vay lại chặt chẽ và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định. Trường hợp dự án không có hiệu quả tài chính và không có khả năng trả nợ, yêu cầu bố trí nguồn vốn khác để thực hiện, không sử dụng vốn vay nước ngoài để cho vay lại.

9. Các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý, giám sát, thực hiện chế độ báo cáo đánh giá định kỳ về mọi hoạt động quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, báo cáo cấp có thẩm quyền, Thủ tướng Chính phủ và công khai nợ công, nợ Chính phủ, nợ chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan thanh tra, kiểm toán.

10. Đẩy mạnh hiện đại hóa hệ thống thông tin về công tác quản lý vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thông qua việc nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, bảo đảm thường xuyên, kịp thời cập nhật việc đàm phán, ký kết, triển khai thực hiện, tình hình giải ngân...; sớm phát hiện những bất cập phát sinh để có giải pháp xử lý kịp thời.

**II. VỀ PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Bộ Tài chính

a) Tổ chức phổ biến và triển khai Luật Quản lý nợ công và các Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý nợ công.

b) Công khai các thông tin về khung điều kiện vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ chủ yếu để các bộ, ngành, địa phương, chủ dự án, các tổ chức, cơ quan, các doanh nghiệp làm cơ sở tính toán khi quyết định đăng ký đề xuất dự án dự kiến sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định của Luật Quản lý nợ công.

c) Xây dựng Kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm, chương trình quản lý nợ công trung hạn 3 năm và kế hoạch vay, trả nợ công hàng năm, báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức giám sát thực hiện.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền khung định hướng huy động hoặc hiệp định khung vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi với các nhà tài trợ nước ngoài trong từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện, tình hình mới, đảm bảo các cam kết phù hợp với luật pháp Việt Nam; từng bước giảm tỷ trọng và nâng cao hiệu quả các khoản vay ưu đãi

nước ngoài trong nợ công, tập trung vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hạn chế tình trạng phân bổ vốn dàn trải cho quá nhiều dự án, nhiều lĩnh vực sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi;

đ) Chủ trì đánh giá thành tố ưu đãi, xác định cơ chế tài chính trong nước và đánh giá tác động nợ công đối với đề xuất khoản vay;

e) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc tổng hợp chương trình đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm;

g) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ vốn nước ngoài cho các chương trình, dự án trên cơ sở đảm bảo theo cơ chế tài chính trong nước của từng chương trình, dự án (phân bổ đủ vốn ngân sách trung ương cấp phát và hạn mức vay lại); tạo điều kiện cho các cơ quan chủ quản và chủ dự án thực hiện giải ngân thuận lợi, theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cam kết với nhà tài trợ nước ngoài;

h) Ban hành hướng dẫn phương thức xác định khoản mục chi đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước trong các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài;

i) Thực hiện giải ngân, rút vốn, kiểm soát chi bảo đảm trong dự toán được duyệt. Trao đổi, thống nhất với nhà tài trợ về cơ chế áp dụng tỷ giá thanh toán bằng nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài;

k) Phối hợp với bộ, ngành, địa phương, các cơ quan được ủy quyền cho vay lại thẩm định, giải ngân, rút vốn, thu hồi số gốc, lãi để hoàn trả vốn vay nước ngoài;

l) Định kỳ báo cáo, đánh giá tình hình huy động, quản lý và giải ngân nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong nợ công, kiến nghị và triển khai các biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay;

m) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong nợ công để phục vụ công tác quản lý trong tình hình mới.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát

triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP để phù hợp với Luật Đầu tư công (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương lựa chọn chương trình, dự án phù hợp với nguyên tắc, định hướng thu hút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2018 để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất chương trình, dự án;

c) Xây dựng danh mục dự án có mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm thứ tự ưu tiên, làm cơ sở cho việc lựa chọn dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Thẩm định dự án chặt chẽ, kiên quyết không sử dụng vốn vay cho các mục đích, dự án đầu tư có hiệu quả kinh tế - xã hội thấp hoặc không rõ ràng;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm; kịp thời tổng hợp các chương trình, dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, báo cáo cấp có thẩm quyền đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công; rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 theo hướng phải tổng hợp đầy đủ, báo cáo cấp có thẩm quyền đưa các chương trình, dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài vào cân đối trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn theo đúng tiến độ cam kết với nhà tài trợ;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, bộ, ngành, địa phương phân bổ chi đầu tư phát triển, trong đó có dự án vay vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài, đảm bảo cân đối kế hoạch phù hợp với tiến độ giải ngân đã cam kết và trong hạn mức vay nợ nước ngoài được phê duyệt;

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trong việc bố trí đủ vốn đối ứng trong phạm vi ngân sách trung ương;

g) Phối hợp với Bộ Tài chính giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình giải ngân, rút vốn các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài.

h) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan rà soát các quy định hiện hành về dự án đầu tư phát triển, làm rõ các hạng mục chi phí đầu tư phát triển thuộc dự án có cấu phần đầu tư xây dựng và dự án không có cấu phần đầu tư xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền để ban hành hướng dẫn. Đối với một số các khoản mục chi đặc thù trong dự án đầu tư phát triển (chi phí tư vấn quốc tế, tư vấn trong nước, chi phí quản lý dự án, chi khảo sát nước ngoài, chi đào tạo trong lĩnh vực y tế, giáo dục, các chi phí gián tiếp trong dự án xây dựng), cần có quy định về định mức hoặc tỷ lệ khống chế mức chi trong tổng mức đầu tư, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

i) Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả các dự án sử dụng vốn vay nước ngoài theo phân công tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 582/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nghiên cứu, xây dựng và báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành hệ thống tiêu chí đánh giá dự án, chương trình đầu tư theo mức độ ưu tiên, tính cần thiết, cấp bách, hiệu quả, rủi ro của từng loại dự án phát triển kinh tế - xã hội nói chung và chương trình, dự án sử dụng vốn vay nước ngoài nói riêng để làm cơ sở lựa chọn các dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài hiệu quả nhất. Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về tiêu chí đánh giá hiệu quả sau đầu tư của các chương trình, dự án, trong đó có dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.

3. Các bộ, ngành, địa phương

a) Xây dựng danh mục dự án đầu tư phát triển ưu tiên, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, trong đó cân nhắc kỹ về hiệu quả, quy mô dự án khi đề xuất sử dụng vốn vay ưu đãi. Chỉ vay theo phương thức chỉ định nhà cung cấp, nhà thầu của nhà tài trợ nước ngoài trong trường hợp chứng minh hàng hóa, thiết bị của nhà tài trợ nước ngoài có ưu thế vượt trội về công nghệ. Rà soát các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài, đánh giá khả năng bố trí nguồn vốn trả nợ và bố trí vốn đối ứng, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, khả năng trả nợ của địa phương, chủ dự án, trường hợp các dự án thẩm định không hiệu quả thì không đề xuất triển khai; ưu tiên tập trung nguồn vốn vay ODA cho các công trình, dự án trọng điểm có sức lan tỏa lớn và giải quyết các vấn đề phát triển của quốc gia, vùng và liên vùng.

Không sử dụng vốn vay nước ngoài để nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay; không sử dụng vốn vay để mua sắm ô tô, vật tư, thiết bị dự phòng cho quá

trình vận hành sau khi dự án hoàn thành. Chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý dự án, các khoản thuế, chi phí lãi suất, các khoản phí nước ngoài thu trong thời gian xây dựng phải được bố trí từ vốn đối ứng theo quy định, không sử dụng vốn vay.

Đối với các chương trình, dự án đang thực hiện, rà soát và đề xuất cắt giảm những nội dung chưa thực sự cấp bách, khẩn trương có văn bản gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để làm thủ tục điều chỉnh dự án, giảm vốn vay với nhà tài trợ.

Tiếp tục thực hiện rà soát hoạt động chi có tính chi thường xuyên đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và khẩn trương đề xuất điều chuyển sang vốn đầu tư phát triển hoặc cắt giảm vốn vay nước ngoài (nếu có), gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí đủ vốn cho các chương trình, dự án nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách hàng năm.

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí đủ vốn đối ứng trong nước cho các chương trình, dự án vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài (gồm cả vốn đối ứng từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu; nguồn cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác).

d) Chỉ đạo thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, chỉ đạo chủ dự án triển khai các chương trình, dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

đ) Về nội dung các khoản chi sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thuộc chương trình, dự án đã đàm phán, ký kết, các cơ quan chủ quản khẩn trương phân loại, đánh giá các nội dung chi của chương trình, dự án, trao đổi thống nhất với nhà tài trợ phương án cắt giảm và báo cáo Bộ Tài chính kèm đánh giá tác động của việc cắt giảm theo nguyên tắc:

- Đối với hoạt động mua sắm trang thiết bị: rà soát trên nguyên tắc đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không sử dụng vốn vay để mua xe ô tô, trang thiết bị văn phòng.

- Đối với hoạt động đào tạo theo các Chương trình, Đề án đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc dự án. Cơ quan chủ quản dự án cần thực hiện rà soát lại chương trình đào tạo, cắt giảm các nội dung không thực sự cần thiết.

- Đối với hoạt động chi nghiên cứu, khảo sát, xây dựng chế độ, chính sách, tăng cường năng lực, chi hoạt động của Ban quản lý dự án: các bộ, ngành, địa phương chủ động rà soát, cắt giảm; tính toán các hoạt động thiết yếu còn lại để vận hành dự án bố trí trong kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước, không sử dụng vốn vay cho các hoạt động này.

e) Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả triển khai các chủ trương, giải pháp và nhiệm vụ được giao theo Chỉ thị này, báo cáo theo quy định về chế độ báo cáo thông tin về nợ công tại Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công gửi Bộ Tài chính.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành. Bộ Tài chính có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hoặc đột xuất về việc thực hiện Chỉ thị này và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ các giải pháp đối với vấn đề vướng mắc phát sinh./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**